

**BỘ TƯ PHÁP
TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1280/TCTHADS KIITC
V/v thông báo văn bản mới ban hành
của Bộ Tư pháp

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2020

Kính gửi:

CỤC THI HÀNH ÁN DS T. BẮC GIANG - Văn phòng Tổng cục Thi hành án dân sự;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Số: 778
ĐẾN Ngày: 21/4/2020
Chuyên:

Ngày 27/3/2020, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 681/QĐ-BTP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng tại các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp quản lý. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 2724/QĐ-BTP ngày 05/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tư pháp;

Ngày 06/4/2020, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 750/QĐ-BTP phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tư pháp. Theo đó, quy định tiêu chuẩn trang bị xe ô tô phục vụ các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của Bộ Tư pháp; nguyên tắc sắp xếp, quản lý, sử dụng xe ô tô; phương án bố trí, sắp xếp xe ô tô; kinh phí mua sắm và vận hành xe; xử lý xe dôi dư.

Tổng cục Thi hành án dân sự đề nghị Văn phòng Tổng cục, các Cục Thi hành án dân sự tổ chức triển khai thực hiện tại đơn vị mình, đồng thời chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện. Trong trường hợp có vướng mắc, đề nghị đơn vị báo cáo về Tổng cục Thi hành án dân sự (Vụ Kế hoạch - Tài chính) để tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết.

Tổng cục Thi hành án dân sự thông báo để các đơn vị biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Mai Lương Khôi (để b/c);
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Các Phó TCT (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH**



Ký bởi: Phạm Thị
Xuân Phương
Email:
phuongptx@moj.gov
.vn
Cơ quan: Tổng cục
Thi hành án dân sự,
Bộ Tư pháp
Ngày ký: 21.04.2020
09:12:39 +07:00

Phạm Thị Xuân Phương



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 750/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc
Bộ Tư pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (để biết);
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long

PHƯƠNG ÁN

SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH VÀ XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 750/QĐ-BTP ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

1. Tiêu chuẩn trang bị xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của Bộ Tư pháp

Căn cứ tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ, số lượng xe ô tô chức danh và xe phục vụ công tác chung được xác định như sau:

a) Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh: 7 xe, gồm 01 xe chức danh Bộ trưởng, 05 xe Thứ trưởng và 01 xe Tổng Cục trưởng, hiện nay đã trang bị đủ.

b) Xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ (bao gồm xe của các Cục THADS cấp tỉnh) được trang bị tối đa 91 xe.

2. Nguyên tắc sắp xếp, quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung

a) Nguyên tắc sắp xếp, bố trí xe ô tô cho các chức danh, cơ quan, đơn vị

- Thực hiện việc trang bị xe ô tô đúng tiêu chuẩn, định mức; quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc sắp xếp lại xe ô tô phải đảm bảo quản lý, sử dụng xe ô tô hiệu quả, phù hợp với hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ.

- Đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các đơn vị trong tổng số xe theo tiêu chuẩn, định mức xe ô tô của Bộ.

- Việc thực hiện sắp xếp xe ô tô được thực hiện theo nguyên tắc điều chuyển xe kèm theo điều chuyển lái xe. Trong trường hợp lái xe không muốn chuyển sang đơn vị mới, đơn vị tự sắp xếp, bố trí công việc phù hợp hoặc báo cáo Bộ phương án xử lý.

b) Nguyên tắc quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

- Các đơn vị được giao quản lý xe ô tô phải xây dựng quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô, trong đó xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng xe, công thức xác định chi phí xăng xe và các chi phí liên quan như phí cầu đường, công tác phí cho lái xe khi điều phối xe cho các đơn vị được sử dụng chung...; thực hiện việc quản lý, sử dụng theo quy chế đã ban hành. Riêng các đơn vị

được giao quản lý xe ô tô chung với một số đơn vị thuộc Bộ, quy chế quản lý, sử dụng xe phải lấy ý kiến của các đơn vị cùng sử dụng và Cục Kế hoạch - Tài chính trước khi ban hành.

- Xe ô tô phục vụ công tác chung được bố trí cho các đối tượng có tiêu chuẩn sử dụng xe khi đi công tác ngoại tỉnh và các địa bàn ngoại thành Hà Nội; Các chuyến đi trong các quận nội thành Hà Nội, đơn vị xây dựng phương án khoán kinh phí sử dụng xe hoặc thanh toán chi phí sử dụng xe công cộng theo chi phí thực tế phát sinh.

3. Phương án bố trí, sắp xếp xe ô tô

a) Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh: tổng số 07 xe, các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng thường xuyên một xe ô tô; các chức danh được sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và đi công tác được bố trí 01 xe/01 chức danh gồm: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

b) Xe ô tô phục vụ công tác chung: Tổng số 28 xe, bố trí như sau:

- Văn phòng Bộ được bố trí 12 xe ô tô để phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị có chung trụ sở làm việc với trụ sở của Bộ. Trong đó, bố trí 01 xe phục vụ chuyên gia cao cấp theo quy định.

- Tổng cục Thi hành án dân sự được bố trí 03 xe ô tô để phục vụ công tác chung của khối các đơn vị hưởng lương từ Văn phòng Tổng cục.

- Cục Công tác phía Nam được bố trí 03 xe ô tô để phục vụ công tác của Lãnh đạo Bộ và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ vào công tác tại các tỉnh phía Nam.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thuộc Bộ gồm Trường Đại học Luật Hà Nội, Học viện Tư pháp, Báo Pháp luật Việt Nam và Nhà Xuất bản Tư pháp được bố trí 01 xe/đơn vị để phục vụ công tác chung của đơn vị.

- Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm được bố trí 01 xe để phục vụ công tác chung cho đơn vị và Cục Bồi thường nhà nước.

- Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia được bố trí 01 xe để phục vụ công tác chung cho đơn vị và Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.

- Các đơn vị mà trụ sở làm việc không nằm chung địa bàn tỉnh, thành phố với trụ sở của Bộ được trang bị 01 xe/đơn vị gồm các Trường Trung cấp Luật và các Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh.

4. Kinh phí mua sắm và vận hành xe

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên

Đơn vị tự cân đối từ nguồn kinh phí hợp pháp hằng năm để mua sắm, sửa chữa, mua bảo hiểm xe ô tô và các chi phí liên quan đến việc sử dụng xe gồm chi trả lương lái xe, công tác phí cho lái xe, phí cầu đường, tiền xăng dầu...

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và cơ quan hành chính được giao quản lý, sử dụng xe ô tô

- Tiền lương và các khoản đóng góp theo lương của lái xe, Bộ bố trí trong dự toán kinh phí hằng năm theo quy định.

- Đối với các đơn vị được giao điều phối xe cho nhiều đơn vị gồm Văn phòng Bộ và Cục Công tác phía nam, Bộ bố trí một khoản kinh phí trong kinh phí quản lý ngành hằng năm để trả một số khoản chi phí như: công tác phí cho lái xe, tiền xăng xe, phí cầu đường cho các chuyến công tác do Bộ tổ chức, Lãnh đạo Bộ làm trưởng đoàn (không nằm trong kế hoạch công tác năm và đã được bố trí kinh phí cho các đơn vị sử dụng xe), chi phí sửa chữa lớn, chi phí trông giữ xe (nếu có).

- Các chi phí khi sử dụng xe ô tô như xăng xe, cầu đường, công tác phí cho lái xe (tiền phòng ngủ và phụ cấp lưu trú), rửa xe, trông xe... do đơn vị sử dụng xe chi trả căn cứ quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô đã ban hành.

- Chi phí sử dụng xe ô tô khi đi trong nội thành Hà Nội, đơn vị quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ (khoán hoặc thanh toán trực tiếp) và chi trả từ nguồn chi tự chủ/chi thường xuyên ngân sách cấp hằng năm cho đơn vị.

5. Xử lý xe dôi dư

Sau khi sắp xếp xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của Bộ, số lượng xe dôi dư của Bộ là 10 xe. Trong đó, 09 đã đủ điều kiện thanh lý là các xe đã sử dụng từ 15 năm trở lên và 01 xe của Học viện Tư pháp đề nghị chuyển sang theo dõi ở xe chuyên dùng. Sau khi Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến về tiêu chuẩn, định mức loại xe này sẽ tiếp tục sắp xếp, xử lý theo quy định. Các xe thanh lý gồm:

a) Văn phòng Bộ: 04 chiếc;

b) Cục Công tác phía Nam: 02 chiếc;

c) Trường Đại học Luật Hà Nội: 02 chiếc bao gồm 01 chiếc do Trường TCL Buôn Ma Thuột trước đây quản lý, sử dụng;

d) Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm: 01 chiếc.

6. Tổ chức thực hiện

a) Cục Kế hoạch - Tài chính

- Tham mưu, thẩm định trình Bộ quyết định điều chuyển xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị theo quy định của pháp luật **trước ngày 30 tháng 4 năm 2020**; Trình Bộ thanh lý xe ô tô đã đủ điều kiện thanh lý khi có đầy đủ hồ sơ của các đơn vị.

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng xe ô tô của các đơn vị thuộc Bộ, đảm bảo công khai, công bằng, tiết kiệm, hiệu quả.

- Tham mưu, thẩm định trình Bộ điều chỉnh kinh phí trả lương, các chế độ theo quy định cho lái xe và các kinh phí khác có liên đến việc quản lý, sử dụng xe cho các đơn vị **trong quý II năm 2020**.

- Cập nhật đầy đủ số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.

b) Vụ Tổ chức cán bộ

Hướng dẫn các đơn vị thực hiện các thủ tục liên quan đến hợp đồng lao động của lái xe để sắp xếp theo nguyên tắc nêu tại điểm a Mục 2 trước **ngày 30 tháng 4 năm 2020**.

c) Các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Bộ

- Tất cả các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Bộ bổ sung nội dung khoán kinh phí sử dụng xe ô tô vào quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mình để làm cơ sở thực hiện nội dung chỉ này.

- Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng xe

+ Thực hiện tổ chức, sắp xếp số xe ô tô theo phương án của Bộ; thực hiện bố trí xe ô tô cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe phù hợp với nhu cầu sử dụng, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

+ Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô; thực hiện việc quản lý, sử dụng theo quy chế đã ban hành.

+ Thực hiện hạch toán và báo cáo kê khai xe ô tô được giao quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Các đơn vị phải điều chuyển xe

+ Thực hiện việc sắp xếp, xử lý phù hợp, đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ đối với lái xe khi điều chuyển xe.

+ Có trách nhiệm bàn giao đầy đủ, kịp thời xe ô tô và các hồ sơ của xe ô tô cho đơn vị được tiếp nhận xe.

+ Hạch toán giảm tài sản cố định theo quy định hiện hành.

+ Thực hiện công tác sắp xếp đối với nhân sự của vị trí lái xe đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ.

- Các đơn vị phải thanh lý xe ô tô lập hồ sơ thanh lý tài sản, trình Bộ xử lý.



Lê Thành Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

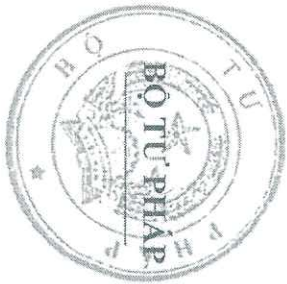
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 01

SÁP XẾP XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 750 /QĐ-BTP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Tên đơn vị	Số xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng	Số xe sau sắp xếp	Đề xuất thanh lý	Ghi chú
	TỔNG SỐ	7					7		
1	Văn phòng Bộ	6					6		
		1	80A-052.38	5	2018	2	1	0	
		1	80A-008.82	5	2012	8	1	0	
		1	80A-022.23	5	2013	7	1	0	
		1	80A-004.05	5	2011	9	1	0	
		1	80A-000.26	5	2010	10	1	0	
		1	80A-008.14	5	2012	8	1	0	
2	Tổng cục THADS	1	80A-001.06	5	2010	10	1	0	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 02

SẮP XẾP, XỬ LÝ XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC, TRỰC THUỘC BỘ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 750/QĐ-BTP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Tên đơn vị	Số lượng xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng	Số xe sắp xếp	Thanh lý	Ghi chú
1	Văn phòng Bộ	38					28	9	
		12					12	4	
		1	80A-010.61	7	2012	8			
		1	80A-011.90	5	1998	22			
		1	80B-5238	5	2001	19			
		1	80B-4109	5	2006	14			
		1	80A-003-16	5	2009	11			
		1	80A-000.13	16	2010	10			
		1	80A-007.07	7	2007	13			
		1	80A-010.26	5	2003	17			
		1	80A-000.15	7	2010	10			

12

TT	Tên đơn vị	Số lượng xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng	Số xe sau sắp xếp	Thanh lý	Ghi chú
		1	80A-010.80	7	2012	8			
		1	80A-010.98	16	2003	17			
		1	80A-000.36	5	2010	10			
2	Tổng cục THADS	3					3	-	
		1	80A-009.65	5	2012	8			
		1	80A-009.93	7	2012	8			
		1	29A-015.01	7	2013	7			
3	Cục Công tác phía nam	6					3	2	01 xe điều chuyển về Văn phòng: Rô quản lý sử dụng
		1	80A-001.01	5	2010	10			
		1	50A-003.09	7	2013	7			
		1	50A-002.46	7	2013	7			
		1	51A-4318	16	2009	11			
		1	80A-010.32	5	2000	20			
		1	51A-1825	5	2005	15			
4	Học viện Tư pháp	2					1		
		1	29A-040.31	5	2012	8	-		
		1	29A-00838	5					Chuyen sang xe chuyên dùng
5	Trường DH Luật	3					1	2	
		1	29A-021.62	5	2003	17		1	
		1	80A 024.97	4	2004	16	-	1	Xe điều chuyển từ ICL Bùn Ma Thuật

TT	Tên đơn vị	Số lượng xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng	Số xe sau sắp xếp	Thanh lý	Ghi chú
6	Báo PL Việt Nam	1	80A028.27	5	2013	7			
7	Nhà xuất bản Tư pháp	1	30E-924.54	5	2017	3	1	-	
8	Viện Khoa học pháp lý	1	80A-008.85	5	2013	7	1	-	Điều chuyển về VPB
9	Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	1	29A-015.61	5	2013	7	-	-	Điều chuyển về VPB
10	Cục Bồi thường nhà nước	1	80A-000.17	5	2003	17	1	1	Điều chuyển về Cục ĐKGGĐBĐ để dùng
11	Tạp chí dân chủ và pháp luật	1	80A-026.62	5	2013	7			Điều chuyển về VPB
12	Tạp chí dân chủ và pháp luật	1	80A-017-48	5	2010	10	-	-	Điều chuyển về VPB
13	Trung tâm LLTPQG	1	80A-000.14	7	2011	9	1		Điều chuyển về VPB
14	Thanh tra Bộ	1	29A-002.07	7	2013	7	-	-	Điều chuyển về VPB
15	Trường TC Luật Đồng Hới	1	80A-023.95	7	2012	8	1		
16	Trường TC Luật Thái Nguyên	1	20M-00136	7	2012	8	1		
17	Trường TC Luật Tây Bắc	1	26A-00.145	7	2013	7	1		
17	Trường TC Luật Vị Thanh	1	95M-000.07	5	2010	10	1		
	KHỐI CƠ QUAN THADS ĐỊA PHƯƠNG	63					63		
1	Cục THADS thành phố Hà Nội	1		5	2011	9	1		
2	Cục THADS thành phố Hồ Chí Minh	1		5	2010	10	1		
3	Cục THADS thành phố Hải Phòng	1		5	2009	11	1		
4	Cục THADS thành phố Cần Thơ	1		5	2011	9	1		
5	Cục THADS thành phố Đà Nẵng	1		5	2012	8	1		
6	Cục THADS tỉnh Nam Định	1		5	2010	10	1		

TT	Tên đơn vị	Số lượng xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng	Số xe sau sắp xếp	Thanh lý	Ghi chú
7	Cục THADS tỉnh Hà Nam	1		5	2013	7	1		
8	Cục THADS tỉnh Hải Dương	1		5	2010	10	1		
9	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	1		5	2013	7	1		
10	Cục THADS tỉnh Thái Bình	1		5	2013	7	1		
11	Cục THADS tỉnh Long An	1		5	2012	8	1		
12	Cục THADS tỉnh Tiền Giang	1		5	2010	10	1		
13	Cục THADS tỉnh Bến Tre	1		5	2012	8	1		
14	Cục THADS tỉnh Đồng Tháp	1		5	2005	15	1		
15	Cục THADS tỉnh Vĩnh Long	1		5	2013	7	1		
16	Cục THADS tỉnh An Giang	1		5	2013	7	1		
17	Cục THADS tỉnh Kiên Giang	1		5	2013	7	1		
18	Cục THADS tỉnh Hậu Giang	1		5	2013	7	1		
19	Cục THADS tỉnh Bạc Liêu	1		5	2013	7	1		
20	Cục THADS tỉnh Cà Mau	1		5	2013	7	1		
21	Cục THADS tỉnh Trà Vinh	1		5	2005	15	1		
22	Cục THADS tỉnh Sóc Trăng	1		5	2011	9	1		
23	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	1		5	2013	7	1		
24	Cục THADS tỉnh Bắc Giang	1		5	2010	10	1		
25	Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc	1		5	2013	7	1		
26	Cục THADS tỉnh Phú Thọ	1		5	2006	14	1		

TT	Tên đơn vị	Số lượng xe đang quản lý	Biên kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng	Số xe sau sắp xếp	Thanh lý	Ghi chú
27	Cục THADS tỉnh Ninh Bình	1		5	2010	10	1		
28	Cục THADS tỉnh Thanh Hóa	1		5	2013	7	1		
29	Cục THADS tỉnh Nghệ An	1		5	2013	7	1		
30	Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh	1		5	2012	8	1		
31	Cục THADS tỉnh Quảng Bình	1		5	2012	8	1		
32	Cục THADS tỉnh Quảng Trị	1		5	2013	7	1		
33	Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế	1		5	2012	8	1		
34	Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1		5	2013	7	1		
35	Cục THADS tỉnh Bình Thuận	1		5	2012	8	1		
36	Cục THADS tỉnh Đồng Nai	1		5	2013	7	1		
37	Cục THADS tỉnh Bình Dương	1		5	2012	8	1		
38	Cục THADS tỉnh Bình Phước	1		5	2013	7	1		
39	Cục THADS tỉnh Tây Ninh	1		5	2012	8	1		
40	Cục THADS tỉnh Quảng Nam	1		5	2012	8	1		
41	Cục THADS tỉnh Bình Định	1		5	2012	8	1		
42	Cục THADS tỉnh Khánh Hòa	1		5	2012	8	1		
43	Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi	1		5	2012	8	1		
44	Cục THADS tỉnh Phú Yên	1		5	2012	8	1		
45	Cục THADS tỉnh Ninh Thuận	1		5	2013	7	1		
46	Cục THADS tỉnh Thái Nguyên	1		5	2002	18	1		

TT	Tên đơn vị	Số lượng xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng	Số xe sắp xếp	Thanh lý	Ghi chú
47	Cục THADS tỉnh Bắc Kạn	1		5	2013	7	1		
48	Cục THADS tỉnh Cao Bằng	1		5	2012	8	1		
49	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	1		5	2012	8	1		
50	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	1		5	2012	8	1		
51	Cục THADS tỉnh Hà Giang	1		5	2012	8	1		
52	Cục THADS tỉnh Yên Bái	1		5	2013	7	1		
53	Cục THADS tỉnh Lào Cai	1		5	2012	8	1		
54	Cục THADS tỉnh Hòa Bình	1		5	2013	7	1		
55	Cục THADS tỉnh Sơn La	1		5	2012	8	1		
56	Cục THADS tỉnh Điện Biên Phủ	1		5	2013	7	1		
57	Cục THADS tỉnh Lai Châu	1		5	2013	7	1		
58	Cục THADS tỉnh Quảng Ninh	1		5	2012	8	1		
59	Cục THADS tỉnh Lâm Đồng	1		5	2010	10	1		
60	Cục THADS tỉnh Gia Lai	1		5	2009	11	1		
61	Cục THADS tỉnh Đắk Lắk	1		5	2013	7	1		
62	Cục THADS tỉnh Đắk Nông	1		5	2013	7	1		
63	Cục THADS tỉnh Kon Tum	1		5	2013	7	1		

DANH SÁCH ĐƠN VỊ DỰ TOÁN

STT	ĐƠN VỊ
1	Văn phòng Bộ
2	Tổng cục Thi hành án dân sự
3	Cục Kiểm tra văn bản QPPL
4	Cục Con nuôi
5	Thanh tra Bộ
6	Cục Bồi thường nhà nước
7	Trung tâm lý lịch Tư pháp quốc gia
8	Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực
9	Tạp chí Dân chủ pháp luật
10	Cục Trợ giúp pháp lý
11	Viện Khoa học pháp lý
12	Cục Bổ trợ Tư pháp
13	Cục Đăng ký quốc gia GDBĐ
14	Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi THPL
15	Cục Công nghệ thông tin
16	Học viện Tư pháp
17	Đại học luật Hà Nội
18	Trường Trung cấp Luật Thái Nguyên
19	Trường Trung cấp Luật Đồng Hới
20	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc
21	Trường Trung cấp Luật Vị Thanh
22	Cục Công tác phía Nam
23	Nhà Xuất bản Tư pháp
24	Báo Pháp luật Việt Nam
25	Ban Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp
26	Ban quản lý dự án chuyên trách của Bộ Tư pháp

Số: 681 /QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
tại các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp quản lý**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp quản lý, gồm:

- Máy móc, thiết bị chuyên dùng của Khối cơ quan Thi hành án dân sự (chi tiết tại Phụ lục I);

- Máy móc, thiết bị chuyên dùng của Cục Công nghệ thông tin (chi tiết tại Phụ lục II);

- Máy móc, thiết bị chuyên dùng của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, không bao gồm các đơn vị sự nghiệp nêu tại Điều 2 Quyết định này (chi tiết tại Phụ lục III).

Điều 2. Giao Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập:

1. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở ý kiến thẩm định bằng văn bản của Cục Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tư pháp.

Điều 3. Nguyên tắc trang bị, quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này được áp dụng đối với máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính và Quyết định số 2402/QĐ-BTP ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật là tài sản cố định, tài sản cố định đặc thù và tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng không đủ điều kiện tiêu chuẩn tài sản cố định, Thủ trưởng đơn vị quyết định việc trang bị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng.

3. Số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định này là mức tối đa. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Bộ, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng để quyết định số lượng và giá mua theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không làm lãng phí, thất thoát tiền, ngân sách, tài sản công.

4. Việc quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng phải được thực hiện công khai, minh bạch, giám sát, kiểm tra và bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng. Nghiêm cấm việc sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng vào việc riêng; bán, trao đổi, tặng cho, cho mượn, cầm cố, thế chấp hoặc điều chuyển cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Máy móc, thiết bị chuyên dùng đủ điều kiện thanh lý khi đã sử dụng vượt quá thời gian theo chế độ quy định mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng mà không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng, nếu không có máy móc, thiết bị chuyên dùng điều chuyển thì được mua mới để thay thế máy móc, thiết bị chuyên dùng đã thanh lý theo quy định.

6. Thực hiện triệt để tiết kiệm trong mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng; chỉ được mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng khi thực sự cấp thiết và đã được bố trí kinh phí (dự toán ngân sách nhà nước được Bộ giao; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn hợp pháp khác). Việc mua máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định này đảm bảo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản công.

7. Tuân thủ các quy định khác tại các văn bản có liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định.

b) Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng phù hợp của quy định pháp luật.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm:

a) Tuân thủ đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, nguyên tắc trang bị, quản lý sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ chức năng, nhiệm vụ được Bộ giao theo quy định tại Quyết định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Kịp thời đề xuất, báo cáo Bộ trưởng (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) xem xét điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 2724/QĐ-BTP ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tư pháp.

Khi các văn bản là căn cứ ban hành Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

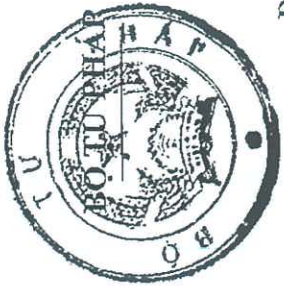
Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các đ/c Thứ trưởng (để biết);
- Bộ Tài chính (để biết);
- Công thông tin điện tử (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHTC (4).



Lê Thành Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

DANH MỤC, TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, TÀI SẢN CHUYÊN DỤNG
CỦA CÁC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Kèm theo Quyết định số 6.84.../QĐ-BTP ngày... tháng... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Đối tượng trang bị	Mục đích sử dụng	Số lượng	Tính năng, dung lượng, cấu hình
I. MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG PHỤC VỤ CHO CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN						
1	Loa pin cầm tay	Chiếc	Các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương	Phục vụ công tác tổ chức cưỡng chế	01 chiếc/đơn vị	Thông thường
2	Máy ghi âm	Chiếc	Các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương	Ghi âm, lưu trữ thông tin và tổ chức cưỡng chế	01 chiếc/đơn vị	Thông thường
3	Máy ảnh kỹ thuật số	Chiếc	Các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương	Ghi hình, lưu trữ thông tin và tổ chức cưỡng chế	01 chiếc/đơn vị	Thông thường
4	Máy ảnh kèm ống lens	Chiếc	Công thông tin điện tử Tổng cục Thi hành án dân sự	Phục vụ công tác ghi âm, ghi hình phòng tiếp dân	01 chiếc/đơn vị	Có kèm ống lens (bao gồm đầy đủ phụ kiện, thiết bị bảo vệ và chống ẩm)
5	Máy quay camera	Chiếc	Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự quận, thành phố, thị xã thủ phủ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện có số việc phải thi hành trung bình 3 năm từ 750 việc trở lên	Ghi hình, lưu trữ thông tin và tổ chức cưỡng chế	01 chiếc/đơn vị	Thông thường (bao gồm đầy đủ phụ kiện, thiết bị bảo vệ và chống ẩm)

(Handwritten mark)

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Đối tượng trang bị	Mục đích sử dụng	Số lượng	Tính năng, dung lượng, cấu hình
6	Camera ghi hình phòng tiếp dân	Chiếc	Các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương	Phục vụ công tác ghi âm, ghi hình phòng tiếp dân	01 bộ/đơn vị	Gồm tối thiểu 01 mắt, 1 bộ thu tiếng, đầu ghi hình
7	Tăng âm loa đài, máy chiếu, bàn ghế phòng họp ban chỉ đạo	Chiếc	Cục Thi hành án dân sự Chi cục Thi hành án dân sự	Phục vụ các cuộc họp chỉ đạo tổ chức thi hành án và xử lý các vướng mắc	01 bộ/đơn vị	Loa treo tường, amply, micro không dây, micro cổ ngỗng
8	Ti vi và thiết bị ghi đọc lưu trữ hình ảnh	Chiếc	Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Chi cục quản, thành phố, thị xã thủ phủ, Chi cục THADS huyện có số việc phải thi hành trung bình 3 năm từ 750 việc trở lên	Trình chiếu, lưu trữ thông tin về xác minh cường chế thi hành án	01 chiếc/đơn vị	Thông thường
9	Hệ thống truyền hình trực tuyến	Bộ	Các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương	Phục vụ các cuộc họp chuyên môn, chỉ đạo thi hành án bằng trực tuyến	01 bộ/đơn vị	Thông thường, công suất phù hợp với quy mô của hội trường, phòng họp
10	Máy phát điện	Chiếc	Các Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự nằm xa trung tâm, thường xuyên bị cắt điện, các huyện vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, đặc biệt các đơn vị nằm trong khu vực thiếu điện vào mùa khô, có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,3 trở lên	Đảm bảo cung cấp nguồn điện phục vụ công tác	01 chiếc/đơn vị	Thông thường

14

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Đối tượng trang bị	Mục đích sử dụng	Số lượng	Tính năng, dung lượng, cấu hình
11	Máy photocopy siêu tốc	Chiếc	Văn phòng Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh	Để phục vụ việc photo hồ sơ, tài liệu gửi cho các tổ chức, cá nhân có liên quan như Viện kiểm sát, Tòa án, đương sự... đồng thời phải photocopy tài liệu để lưu trữ trong hồ sơ thi hành án	03 chiếc/đơn vị	Máy photo kỹ thuật số, siêu tốc, độ phân giải cao có các chức năng hiện đại như in tạo ảnh bằng 2 tia laser và in bằng tinta điện, in nổi mạng, in thẻ nhớ, in từ USB, chức năng in bảo mật, độ phân giải 600x600 dpi, khả năng sao chụp liên tục 1-999 tờ...
		Chiếc	Cục Thi hành án dân sự có số vụ việc phải thi hành toàn tỉnh ≥ 10.000 việc mỗi đơn vị		02 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Các Cục Thi hành án dân sự còn lại mỗi đơn vị		01 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây ≥ 750 việc		01 chiếc/đơn vị	
12	Máy in A3	Chiếc	Văn phòng Tổng cục Thi hành án dân sự và các Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh	In số liệu báo cáo thống kê thi hành án, các tài liệu khác	01 chiếc/đơn vị	Thông thường
13	Máy scan	Chiếc	Các cơ quan Thi hành án dân sự	Điện tử hóa hồ sơ Thi hành án cũng như thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc sử dụng thư điện tử thay thế cho việc gửi văn bản giấy	01 chiếc/đơn vị	Nạp giấy tự động, scan 2 mặt, quét được nhiều cấu hình, mật độ điểm ảnh, tốc độ cao, sắc nét

u

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Đối tượng trang bị	Mục đích sử dụng	Số lượng	Tính năng, dung lượng, cấu hình
14	Máy in biên lai thu tiền cầm tay	Chiếc	Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh	In biên lai thu tiền thi hành án	10 chiếc/đơn vị	Bộ nhớ tối thiểu 8GB ROM+1GB RAM, tích hợp máy in, cổng USB, thời gian hoạt động 48h liên tục
			Cục Thi hành án dân sự có số vụ việc bình quân 3 năm gần đây ≥ 10.000 việc		8 chiếc/đơn vị	
			Cục Thi hành án dân sự còn lại		6 chiếc/đơn vị	
			Chi cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây ≥ 2.000 việc		8 chiếc/đơn vị	
			Chi cục Thi hành án dân sự còn lại		4 chiếc/đơn vị	
15	Máy tính xách tay chuyên dùng	Chiếc	Văn phòng Tổng cục Thi hành án dân sự	Kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, ghi biên bản các cuộc họp, tiếp dân, xử lý khiếu nại, tố cáo	03 chiếc	Kết nối mạng, bản quyền hệ điều hành, bảo hành ≥ 3 năm
			Các Vụ thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự		02 chiếc/đơn vị	
			Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh		01 chiếc/đơn vị	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Đối tượng trang bị	Mục đích sử dụng	Số lượng	Tính năng, dung lượng, cấu hình
16	Máy tính để bàn chuyên dùng	Chiếc	Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh	Chạy song song các phần mềm cũng như lưu trữ số lượng lớn hồ sơ điện tử thi hành án để đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc, cập nhập dữ liệu dự toán ngân sách chi thường xuyên và dự toán chi đầu tư vào Hệ thống TABMIS	05 chiếc/đơn vị	Bộ vi xử lý tối thiểu: Intel core i7 (Cõi mới) hoặc AMD Ryzen 7 hoặc tương đương và nên đại hơn, bộ nhớ \geq 8GB, kết nối mạng, ổ cứng SSD...
		Chiếc	Cục Thi hành án dân sự có số vụ việc bình quân 3 năm gần đây \geq 10.000 việc		03 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Cục Thi hành án dân sự còn lại		02 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây \geq 2000 việc		03 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây từ 750 việc đến dưới 2000 việc		02 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự còn lại, Vụ Kế hoạch - Tài chính thuộc Tổng cục THADS		01 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự huyện có phụ cấp khu vực từ 0,3 trở lên và miền Tây Nam bộ		02 xe/đơn vị	
17	Xe máy	Chiếc	Chi cục THADS có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây \geq 750 việc	Phục vụ công tác thi hành án	02 xe/đơn vị	
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự còn lại		01 xe/đơn vị	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	ĐỐI tượng trang bị	Mục đích sử dụng	Số lượng	Tình năng, dung lượng, cấu hình
18	Xuồng máy	Chiếc	Trang bị cho các cơ quan Thi hành án dân sự thuộc miền Tây Nam bộ, huyện đảo (trừ những đơn vị đã được trang bị xe ô tô bán tải chuyên dùng)	Phục vụ công tác thi hành án	01 chiếc/đơn vị	Thông thường

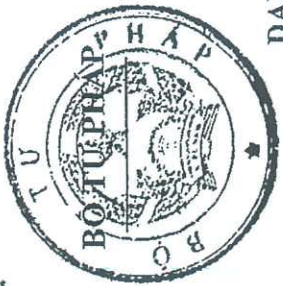
II. MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CHO PHÒNG LƯU TRỮ, BẢO QUẢN HỒ SƠ THI HÀNH ÁN, KHO VẬT CHỨNG

1	Hệ thống camera giám sát, báo động	Bộ	Các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương	Lưu trữ, bảo quản hồ sơ thi hành án, kho vật chứng	01 bộ/đơn vị	Gồm đầu thu, ổ cứng dung lượng 1Tb (1000Gb), tối thiểu 03 mắt, báo động (hỗ trợ 2 công kết nối cảm biến, 1 công xuất báo động gửi tin nhắn qua sim điện thoại...)		
							Chiếc	Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh
							Chiếc	Cục Thi hành án dân sự có số vụ việc bình quân 3 năm gần đây ≥ 10.000 việc
							Chiếc	Cục Thi hành án dân sự còn lại
2	Điều hòa	Chiếc	Cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây ≥ 2000 việc	Bảo quản hồ sơ thi hành án, kho vật chứng	02 chiếc/đơn vị	Thông thường, công suất phù hợp với quy mô thiết kế		
							Chiếc	Cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây ≥ 2000 việc
							Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây từ 750 việc đến dưới 2000 việc
							Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự còn lại

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Đối tượng trang bị	Mục đích sử dụng	Số lượng	Tính năng, dung lượng, cấu hình
3	Máy hút ẩm	Chiếc	Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh	Để đảm bảo độ ẩm phù hợp khi bảo quản các vật chứng tại kho vật chứng và kho lưu trữ hồ sơ thi hành án	05 chiếc/đơn vị	Thông thường
		Chiếc	Cục Thi hành án dân sự có số vụ việc bình quân 3 năm gần đây ≥ 10.000 việc		03 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Cục Thi hành án dân sự còn lại		02 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây ≥ 2000 việc		03 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây từ 750 việc đến dưới 2000 việc		02 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự còn lại		01 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh		10 chiếc/đơn vị	
4	Két sắt đặc chủng	Chiếc	Cục Thi hành án dân sự có số vụ việc bình quân 3 năm gần đây ≥ 10.000 việc	05 chiếc/đơn vị		
		Chiếc	Cục Thi hành án dân sự còn lại	03 chiếc/đơn vị		
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây ≥ 2000 việc	05 chiếc/đơn vị		
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây từ 750 việc đến dưới 2000 việc	03 chiếc/đơn vị		
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự còn lại	03 chiếc/đơn vị		
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự còn lại	02 chiếc/đơn vị		

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	ĐỐI TƯƠNG TRANG BỊ	Mục đích sử dụng	Số lượng	Tính năng, dung lượng, cấu hình
5	Tủ sắt lưu trữ hồ sơ thi hành án, bảo quản tang vật	Chiếc	Cục Thi hành án dân sự có số vụ việc bình quân 3 năm gần đây \geq 750 việc	Bảo quản, lưu trữ hồ sơ thi hành án, bảo quản tang vật	15 chiếc/đơn vị	Kích thước tương đối khoảng D1m x R0,46 x H1,85m, tủ được làm bằng tôn dày phủ sơn tĩnh điện, tủ có thể sử dụng khóa mã kết sắt...
		Chiếc	Cục Thi hành án dân sự còn lại		10 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây \geq 2000 việc		15 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự có số lượng vụ việc bình quân 3 năm gần đây từ 1000 đến dưới 2000 việc		10 chiếc/đơn vị	
		Chiếc	Chi cục Thi hành án dân sự còn lại		05 chiếc/đơn vị	Bom đúc tích hợp không hàn, với hệ thống quá tải an toàn. Sàn, khung xe được thiết kế chắc chắn, bền bỉ, thanh nâng thép chắc chắn giữa tăng sức mạnh nâng hàng... để chở đc vật nặng nặng
6	Xe nâng tay	Chiếc	Các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương	Dùng để chuyển tang vật trong kho vật chứng	1 chiếc/đơn vị	

W



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

DANH MỤC, TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, TÀI SẢN CHUYÊN DỤNG
CỦA CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Kèm theo Quyết định số 681/QĐ-BTP ngày... tháng... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Đối tượng trang bị, mục đích sử dụng	Tính năng, dung lượng, cấu hình
I	Hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp				
1	Hệ thống thiết bị máy chủ, máy chủ chuyên dụng	Hệ thống	01	Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp để cài đặt các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trong Bộ, ngành Tư pháp	Đảm bảo việc cài đặt các Hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trong Bộ, ngành Tư pháp
2	Hệ thống thiết bị lưu trữ, sao lưu, backup	Hệ thống	01	Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp để lưu trữ dữ liệu, sao lưu dữ liệu dự phòng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trong Bộ, ngành Tư pháp	Đảm bảo việc lưu trữ dữ liệu, sao lưu dữ liệu dự phòng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trong Bộ, ngành Tư pháp
3	Hệ thống thiết bị tường lửa bảo mật, an toàn thông tin và các giải pháp an toàn thông tin	Hệ thống	01	Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp để bảo vệ chống lại các nguy cơ tiềm ẩn ở cấp độ nội dung trên toàn bộ hệ thống	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho Trung tâm dữ liệu điện tử của Bộ
4	Hệ thống thiết bị truyền dẫn, định tuyến	Hệ thống	01	Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp	Đảm bảo duy trì kết nối mạng chuyên dùng tại Trung tâm Dữ liệu điện tử của Bộ, mạng nội bộ (LAN) trong Bộ và ngoài Bộ và mạng kết nối ra ngoài internet

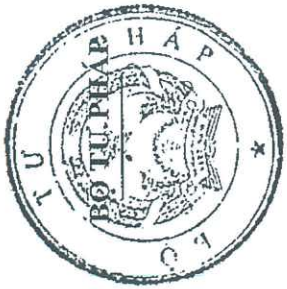
TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Đối tượng trang bị, mục đích sử dụng	Tính năng, dung lượng, cấu hình
5	Hệ thống thiết bị ngoại vi (Tủ Rack, mànng cáp, UPS, máy phát điện, camera giám sát, điện dự phòng, phòng cháy chữa cháy, điều hòa, hút ẩm...)	Hệ thống	01	Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp	Đảm bảo điều kiện môi trường cho Trung tâm Dữ liệu điện tử hoạt động thông suốt
6	Hệ thống thiết bị và giải pháp khác	Hệ thống	01	Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp để hỗ trợ cho hoạt động của Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp	Đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp
II	Hệ thống giao ban trực tuyến của Bộ (gồm: Thiết bị HDX, Máy chủ, máy tính, Firewall, Switch core, Tivi, Camera, Thiết bị ghi hình, hệ thống âm thanh, LPS ...)	Hệ thống	01	Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp; Phòng hợp tác tuyến để phục vụ hợp tác tuyến với Chính phủ, các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan thi hành án dân sự địa phương	Đáp ứng được quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng, triển khai hạ tầng mạng và hệ thống thiết bị; tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối các hệ thống hội nghị truyền hình; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các cuộc họp trực tuyến
III	Máy móc, thiết bị chuyên dùng khác				
1	Máy ảnh kèm ống Lens	Chiếc	01	Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp để chụp ảnh tư liệu, trang bị cho hoạt động viết bài đưa lên Website và lưu trữ tư liệu.	Có kèm ống Lens (bao gồm đầy đủ phụ kiện, thiết bị bảo vệ và chống ẩm)
2	Máy quay phim kỹ thuật số	Chiếc	01	Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp để phục vụ công tác thông tin truyền truyền của Bộ Tư pháp	Thông thường (bao gồm đầy đủ phụ kiện, thiết bị bảo vệ và chống ẩm)
3	Máy ghi âm	Chiếc	02	Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp để phục vụ công tác thông tin truyền truyền của Bộ Tư pháp	Có khả năng loại bỏ tạp âm, tiếng ồn; chế độ ghi âm đa dạng; khả năng kết nối với các thiết bị khác nhau; khả năng điều chỉnh tốc máy ghi âm nhanh hơn/chậm hơn

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Đối tượng trang bị, mục đích sử dụng	Tính năng, dung lượng, cấu hình
4	Máy scan	Chiếc	01	Văn phòng Cục Công nghệ thông tin để phục vụ công tác lưu trữ thông tin	Quét được nhiều cấu hình, mật độ điểm ảnh, tốc độ cao, sắc nét

Ghi chú: Danh mục, tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết của thiết bị thành phần các hệ thống thuộc Hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp và Hệ thống giao ban trực tuyến của Bộ được xác định khi lập Dự án đầu tư hoặc lập đề cương và dự toán chi tiết.

u





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III

DANH MỤC, TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, TÀI SẢN CHUYÊN DỤNG

CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ

(Kèm theo Quyết định số 681.../QĐ-BTP ngày... tháng... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Đối tượng trang bị, mục đích sử dụng	Tính năng, dung lượng, cấu hình
1	Máy ghi âm	Chiếc	02 chiếc	Văn phòng Bộ dùng để ghi âm, lưu trữ thông tin các buổi họp của Lãnh đạo Bộ	Có khả năng loại bỏ tạp âm, tiếng ồn; chế độ ghi âm đa dạng; khả năng kết nối với các thiết bị khác nhau; khả năng điều chỉnh tốc máy ghi âm nhanh hơn/chậm hơn
2	Máy ảnh kèm ống Lens	Chiếc	01 chiếc	Các đơn vị thuộc Bộ có trang thông tin chuyên ngành để chụp ảnh tư liệu, trang bị cho hoạt động viết bài đưa lên trang thông tin và lưu trữ tư liệu.	Bao gồm đầy đủ phụ kiện, thiết bị bảo vệ và chống ẩm
3	Máy in màu	Chiếc	01 chiếc	Văn phòng Bộ dùng để in tài liệu có hình ảnh	In màu laser hoặc in phun 2 mặt
4	Máy in chứng chỉ, thẻ hành nghề	Chiếc	01 chiếc	Cục Hỗ trợ tư pháp để in chứng chỉ, thẻ hành nghề	Máy in tự động căn chỉnh lề giấy chính xác 100%, tự động Load giấy-máy in theo mặt phẳng không làm hư, máy in nhỏ gọn, độ ồn thấp
5	Máy scan	Chiếc	01 chiếc	Các đơn vị thuộc Bộ để phục vụ công tác lưu trữ thông tin	Quét được nhiều cấu hình, mật độ điểm ảnh, tốc độ cao, sắc nét
6	Máy photocopy siêu tốc	Chiếc	01 chiếc	Văn phòng Bộ phục vụ sao, lưu trữ tài liệu	Tốc độ sao chụp ≥ 80 bản/phút, có chức năng đảo mặt bản gốc và đảo mặt bản chụp, độ phân giải tối thiểu $\geq 600 \times 600$ dpi

u

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Đối tượng trang bị, mục đích sử dụng	Tính năng, dung lượng, cấu hình
7	Máy tính xách tay chuyên dùng	Chiếc	10 chiếc	Văn phòng Bộ để phục vụ các cuộc họp	Kết nối mạng, bản quyền hệ điều hành, bảo hành ≥ 3 năm
8	Máy tính xách tay chuyên dùng	Chiếc	03 chiếc	Văn phòng Bộ, các Vụ, Viện Khoa học pháp lý, Thanh tra Bộ, các Cục thuộc Bộ phục vụ tổ chức các hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác, tập huấn, thanh tra, kiểm tra	Kết nối mạng, bản quyền hệ điều hành, bảo hành ≥ 3 năm
9	Máy vi tính để bàn chuyên dùng	Chiếc	02 chiếc	Cục Kế hoạch - Tài chính cấp nhập dữ liệu dự toán ngân sách chi thường xuyên và dự toán chi đầu tư vào Hệ thống TABMIS	Kết nối mạng, bản quyền hệ điều hành, bảo hành ≥ 3 năm
10	Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	01 bộ/phòng họp	Văn phòng Bộ phục vụ các cuộc họp	Thông thường, công suất phù hợp với quy mô của từng phòng
11	Hệ thống âm thanh	Bộ	01 bộ/phòng họp	Văn phòng Bộ phục vụ các cuộc họp	Khả năng hoạt động 24/7, bền bỉ, ổn định trong nhiều môi trường khác nhau
12	Hệ thống camera giám sát	Bộ	01 bộ	Văn phòng Bộ, đơn vị thuộc Bộ có trụ sở riêng để giám sát an ninh tại cơ quan	Thông thường, công suất phù hợp với quy mô thiết kế
13	Hệ thống điều hòa, hút ẩm	Hệ thống	01 hệ thống	Trung tâm thông tin, thư viện (Viện Khoa học pháp lý) dùng để bảo quản sách ở thư viện	Hệ thống tủ hồ sơ di động, có thể lắp đặt thêm khoang tủ (nếu cần)
14	Tủ đựng tài liệu	Hệ thống	01 hệ thống/đơn vị	Vụ Tổ chức cán bộ; Văn phòng Bộ dùng lưu trữ hồ sơ cán bộ, công chức; các văn bản của Bộ	Khoảng RH: 25-55RH; dung tích 1251
15	Tủ đựng bảo quản thiết bị điện tử	Chiếc	01 chiếc	Văn phòng Bộ dùng đựng các thiết bị điện tử	Phù hợp với quy mô thiết kế, điều chỉnh được kích thước theo từng ngăn
16	Hệ thống giá sách	Hệ thống	01 hệ thống	Trung tâm thông tin, thư viện (Viện Khoa học pháp lý) dùng đựng sách ở thư viện	